TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Nguyên

2. Ông Nguyễn Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1998;

Cư trú tại: Số nhà 168K/5, ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông WU, CHUN-C, sinh năm 1979;

Hộ chiếu số 300194571 do Đài Loan cấp ngày 18/3/2009;

Địa chỉ: 87/17/3 đường A1, Khóm 12, phường A2, Khu T5, thành phố B, Lãnh thổ Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Bà và ông Wu, Chun - C quen biết nhau qua mai mối và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ngày

14/8/2017. Sau khi kết hôn bà sang Đài Loan chung sống cùng ông Wu, Chun – C, tuy nhiên do khác biệt về ngôn ngữ và tính cách nên vợ chồng không thể đồng cảm và chia sẻ cùng nhau; dần dần khiến vợ chồng ngày càng xa cách, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cuối năm 2018, bà trở về Việt Nam sinh sống và không trở lại Đài Loan, hai vợ chồng cũng không còn liên lạc hay gặp mặt. Nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Wu, Chun – C và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn;

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ngày 31/01/2023, bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục ủy thác tư pháp để tiến hành tống đạt cho ông Wu, Chun - C và niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định pháp luật nhưng ông Wu, Chun - C vắng mặt không tham gia tố tụng cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn ông Wu, Chun - C hiện đang sinh sống tại Lãnh thổ Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và ông Wu, Chun - C vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông ông Wu, Chun - C là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện các thủ tục ủy thác tư pháp để tiến hành tống đạt cho ông Wu, Chun - C và niêm yết thông báo thụ lý vụ án cùng ngày giờ mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nhưng ông Wu, Chun - C vắng mặt không tham gia tố tụng cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của

ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Wu, Chun - C quen biết nhau qua mai mối và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ngày 14/8/2017. Sau khi kết hôn bà T sang Đài Loan chung sống cùng ông Wu, Chun – C, trong quá trình chung sống do khác biệt về ngôn ngữ và tính cách nên vợ chồng không thể đồng cảm và chia sẻ cùng nhau; dần dần khiến vợ chồng ngày càng xa cách, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cuối năm 2018, bà T trở về Việt Nam sinh sống và không trở lại Đài Loan, hai vợ chồng bà T cũng không còn liên lạc hay gặp mặt. Thấy rằng, bà T và ông Wu, Chun – C không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Wu, Chun – C là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày không có, Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007027 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4] Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp theo biên lai thu số 0007031 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Wu, Chun – C.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Wu, Chun – C; bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

- Về con chung, về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày không có, Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007027 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp theo biên lai thu số 0007031 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật. Ông Wu, Chun – C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Hồng